

Bản án số: 355/2021/HS-ST

Ngày 17 - 8 -2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 368/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn B**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/6/1968; Nơi sinh: Đ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm PT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề ngH: Không; Con ông: Phạm Văn C, đã chết, con bà: Nguyễn Thị N, đã chết; Vợ Lê Thị L, sinh năm 1970, có 02 con chung, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1999; Gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị H, sinh năm 1994 - vắng mặt

Trú tại: Xóm PT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

- Người chứng kiến:

1, Ông Nguyễn Xuân K – sinh 1954

TQ: Tổ 1, phường TD, TP.T, tỉnh Thái Nguyên

2, Ông Bùi Quang H – sinh 1961

TQ: Tổ 4, phường TD, TP.T, tỉnh Thái Nguyên
(đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 25 phút ngày 06/6/2021 Tổ công tác của Công an phường TD phối hợp với Công an thành phố Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên phát hiện 01 người đàn ông có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra, người đàn ông khai tên là Phạm Văn B (sinh năm: 1968, HKTT: xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình kiểm tra phát hiện tại túi quần phía sau bên trái B đang mặc có 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 01 viên nén màu hồng và chất tinh thể màu trắng. B khai nhận viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp và chất tinh thể màu trắng là ma túy đá, số ma túy trên B vừa mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác tiến hành niêm phong thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với B theo quy định. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của B 01 xe mô tô BKS: 20B1- 984.05 nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION màu đỏ đen.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành cân xác định toàn bộ số chất tinh thể màu trắng thu giữ của B có khối lượng **0,262 gam**, lấy mẫu vật gửi đi giám định ký hiệu **B1**; cân xác định toàn bộ số viên nén màu hồng có khối lượng **0,105 gam**, lấy mẫu vật gửi đi giám định ký hiệu **B3**.

Tại Bản kết luận giám định số 967 ngày 15/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu **B1** gửi đi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng thu giữ ban đầu là **0,262 gam**. Mẫu viên nén màu hồng trong phong bì ký hiệu **B3** gửi đi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng thu giữ ban đầu là **0,105 gam**.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Phạm Văn B khai nhận: Khoảng 14 giờ 06/6/2021, Phạm Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA –VISION màu đỏ đen BKS: 20B1-984.05, là xe của chị Lường Thị H, sinh năm 1994, HKTT: Xóm PT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, con dâu của B, đi từ Đ đến khu vực tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi, B gặp 01 người nam giới (không rõ tên tuổi, địa chỉ) và mua được của người này 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu hồng với giá là 500.000 đồng. B biết chất tinh thể màu trắng đó là ma túy đá còn viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp hay gọi là hồng phiến. Sau đó B cất túi ma túy vừa mua vào túi quần phía sau bên trái quần B đang mặc rồi đi tìm nơi để sử dụng. Khi đi được khoảng 100m thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên.

Vật chứng của vụ án là:

- Xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu đỏ đen, biển kiểm soát 20B1-984.05, đã trả lại cho chị Lương Thị H, sinh năm 1994, HKTT: Xóm PT, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để quản lý, sử dụng.

- 01 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu B1 (bên trong có chứa 0,112 gam mẫu vật còn lại sau giám định vỏ bao gói mẫu B1); 01 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu B3 (bên trong có chứa vỏ bao gói mẫu B3); 01 bì niêm phong đúng quy định ký hiệu B2 (bên trong có chứa 0,061 gam chất tinh thể màu trắng). Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 379/CT-VKSTPTN, ngày 15/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu B1, B2, B3.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát.

Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hồi 14 giờ 25 phút ngày 06/6/2021, tại tổ 3, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên, tổ công tác của Công an phường TD, thành phố Thái Nguyên bắt quả tang Phạm Văn B có hành vi tàng trữ 0,367 gam ma túy, loại Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, bản kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển ..., thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

...

c) Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là đối tượng nghiện chất ma túy.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo cất giữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán để kiếm lời, mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[3]. Vật chứng của vụ án: Đối với 03 phong bì niêm phong kí hiệu B1, B2 và B3 là vật chứng của vụ án không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen biên kiểm soát 20B1-984.05, bị cáo sử dụng đi mua ma túy, tuy nhiên quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của chị Lương Thị H (con dâu bị cáo), khi bị cáo mượn xe bị cáo không nói chị H mục đích đi mua ma túy, mặt khác chị H cũng không

biết bị cáo dùng xe để đi mua ma túy, nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho chị H là chủ sở hữu quản lý, sử dụng là phù hợp.

[4] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng, hình phạt và các nội dung khác đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo khai mua ma túy của 01 nam thanh niên không rõ lai lịch địa chỉ ở khu vực tổ 3 phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ của người thanh niên này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không có cơ sở điều tra làm rõ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn B 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 03 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu B1, B2 và B3.

(Số vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2021 giữa cơ quan Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- Công an TPTN;
- Cơ quan THA hình sự - CA TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã HT, H.Đ;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu: Hồ sơ VA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

